

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 31 tháng 8 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 05/2022/TLST – KDTM ngày 09 tháng 6 năm 2022.

XÉT THẤY

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành ngày 31 tháng 8 năm 2022 về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng Thương mại cổ phần Q. Địa chỉ: X Lê Văn L, phường T, quận C, thành phố H. Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Hữu Đ – Chủ tịch Hội đồng quản trị. Pháp nhân đại diện theo ủy quyền: Công ty TNHH Quản lý nợ và Khai thác tài sản – Ngân hàng TMCP Q. Người đại diện theo pháp luật Ông Phạm Văn Ph – Tổng giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Quách Mạnh Qu - Phó phòng thu hồi nợ Miền Bắc – Trung tâm xử lý nợ Công ty Q AMC; Người đại diện theo ủy quyền ủy quyền lại: Ông Đoàn Đức H1 và ông Phạm Mạnh H2 – Chuyên viên xử lý nợ Công ty QAMC tham gia tố tụng.

- *Bị đơn*: Vợ chồng ông Trần Văn A, sinh năm: 1978; bà Phạm Thị L, sinh năm: 1976; Nơi cư trú: xóm 12, xã L, huyện GV, tỉnh NB.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ông Trần Văn A và bà Phạm Thị L có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q tổng số nợ gốc, lãi tính đến hết ngày 31/08/2022 với tổng số tiền là: **257.802.651 đồng** (hai trăm năm mươi bảy triệu, tám trăm lẻ hai nghìn, sáu trăm năm mươi một đồng). Trong đó số tiền nợ gốc là: **219.750.000 đồng** (hai

trăm mười chín triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng) và tiền nợ lãi quá hạn là: **38.052.651 đồng** (*ba mươi tám triệu, không trăm năm mươi hai nghìn, sáu trăm năm một đồng*) theo Hợp đồng cho vay số 141360.20.232.797**57.TD đã ký giữa hai bên vào ngày 28/09/2020.

2.2. Kể từ ngày 01/9/2022, vợ chồng ông Trần Văn A, bà Phạm Thị L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi chậm trả của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho vay đã ký kết cho đến khi thanh toán xong số tiền này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng TMCP Q thì lãi suất mà vợ chồng ông Trần Văn A, bà Phạm Thị L phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP Quân Đội.

Mức lãi suất thỏa thuận không vượt quá mức lãi suất giới hạn mà pháp luật quy định.

2.3. Trường hợp vợ chồng ông Trần Văn A, bà Phạm Thị L không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ trên thì Ngân hàng TMCP Q có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên phát mại tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 141371.20.232.797**57.BĐ đã ký giữa hai bên ngày 28/9/2020 theo quy định pháp luật.

Sau khi xử lý tài sản thế chấp mà không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì vợ chồng ông Trần Văn A, bà Phạm Thị L phải có trách nhiệm tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Q đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ. Nếu sau khi xử lý tài sản thế chấp, số tiền thu được dùng để trả nợ cho Ngân hàng TMCP Q còn thừa thì Ngân hàng TMCP Q phải trả lại cho vợ chồng ông Trần Văn A, bà Phạm Thị L.

Trường hợp vợ chồng ông Trần Văn A, bà Phạm Thị L trả hết số nợ trên mà không phải xử lý tài sản thế chấp thì Ngân hàng TMCP Q phải trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản chính đã thế chấp tại Ngân hàng cho người thế chấp tài sản.

2.4. Về án phí:

- Ngân hàng TMCP Q không phải nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng TMCP Q số tiền 10.893.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2021/0004043 ngày 07/6/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Viễn.

- Vợ chồng ông Trần Văn A, bà Phạm Thị L phải nộp 12.890.000 đồng (*mười hai triệu, tám trăm chín mươi nghìn đồng*) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm (*số tiền đã làm tròn*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành

án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận

- *Đương sự;*
- *Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình;*
- *VKSND tỉnh Ninh Bình*
- *VKSND huyện Gia Viễn;*
- *Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Viễn*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

Lã Hoàng Giáp